

Số: /TB-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO**Về việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện
nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ mở mới năm 2024**

Thực hiện Quyết định số 1730/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ mở mới năm 2024 thuộc lĩnh vực Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện 12 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ thực hiện từ năm 2024 (Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

1. Các tổ chức và cá nhân tham gia tuyển chọn cần chuẩn bị Hồ sơ theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 của Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Các biểu mẫu và hồ sơ nhiệm vụ tham gia tuyển chọn thực hiện theo các phụ lục kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

Dự toán kinh phí đề tài xây dựng theo định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Thời hạn nộp hồ sơ: **trước 17h00' ngày 29/07/2023.**

4. Nơi nhận hồ sơ: Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống quản lý hoạt động khoa học và công nghệ Bộ Tài nguyên và Môi trường tại địa chỉ: <https://khcn.monre.gov.vn/Pages/TuyenChon-GiaoTrucTiep.aspx>.

5. Quy trình tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 2, Chương 2 của Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Phòng TTTT, Văn phòng Bộ;
- Lưu VT, Vụ KH&CN, NAD.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Nguyễn Xuân Hải

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ TUYỂN CHỌN NĂM 2024
Lĩnh vực Môi trường

(Theo Quyết định số 1730/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên đề xuất	Mục tiêu	Sản phẩm	Địa chỉ ứng dụng	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
1	TNMT.2024.05.01: Nghiên cứu công nghệ mới chuyên hóa rác thải nhựa kết hợp với phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất than hoạt tính	1. Chuyển hóa được rác thải nhựa (loại không tái chế) kết hợp với phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất than hoạt tính có khả năng hấp phụ, ứng dụng trong xử lý ô nhiễm môi trường. 2. Đánh giá được hiệu quả kinh tế của than hoạt tính sản xuất được.	1. 05 kg than hoạt tính sản xuất từ rác thải nhựa kết hợp với phụ phẩm nông nghiệp (diện tích bề mặt riêng $\geq 400 \text{ m}^2/\text{g}$); 2. Quy trình công nghệ mới chuyên hóa rác thải nhựa kết hợp phụ phẩm nông nghiệp thành than hoạt tính; 3. Báo cáo đánh giá khả năng ứng dụng và hiệu quả của than hoạt tính trong xử lý ô nhiễm môi trường; 4. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; 5. 01 bài báo khoa học quốc tế đăng trên tạp chí Scopus và 01 bài báo trong nước; 6. Tham gia đào tạo 01 Thạc sĩ.	1. Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường; 2. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.	2024-2025	1.800	Tuyển chọn
2	TNMT.2024.05.02: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn giảm phát thải nhựa đại dương trong nuôi trồng	1. Đánh giá được tiềm năng giảm phát thải nhựa đại dương từ các mô hình nuôi trồng thủy sản trên biển khi sử dụng vật liệu HDPE bền vững;	1. Báo cáo đánh giá hiện trạng sử dụng và phát thải vật liệu nhựa HDPE từ các mô hình nuôi trồng thủy sản trên biển; 2. Báo cáo đánh giá tiềm năng giảm phát thải nhựa đại dương từ các mô hình nuôi trồng thủy sản trên biển khi sử dụng vật liệu HDPE bền vững;	1. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; 2. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường	2024-2025	1.800	Tuyển chọn

STT	Tên đề xuất	Mục tiêu	Sản phẩm	Địa chỉ ứng dụng	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
	thủy sản trên biển từ hiệu quả sử dụng vật liệu HDPE bền vững	<p>dụng vật liệu HDPE bền vững.</p> <p>2. Thử nghiệm và áp dụng được thực tế mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững giảm phát thải nhựa đại dương bằng vật liệu HDPE sản xuất được.</p> <p>3. Đề xuất được các giải pháp quản lý môi trường, giảm phát thải nhựa, thay thế, tối ưu hóa vật liệu trong nuôi trồng thủy sản; biện pháp xử lý đối với vật liệu sau nuôi trồng thủy sản.</p>	<p>3. 01 Quy trình công nghệ tối ưu sản xuất vật liệu HDPE bền vững sử dụng trong môi trường biển;</p> <p>4. Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm tính toán giảm phát thải nhựa thực tế cho 01 mô hình sử dụng vật liệu chế tạo được;</p> <p>5. Báo cáo đề xuất các giải pháp quản lý môi trường, giảm phát thải nhựa, thay thế, tối ưu hóa vật liệu trong nuôi trồng thủy sản; biện pháp xử lý đối với vật liệu sau nuôi trồng thủy sản;</p> <p>6. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu;</p> <p>7. 01 bài báo khoa học quốc tế đăng trên tạp chí thuộc hệ thống Scopus và 01 bài báo trong nước.</p> <p>8. Tham gia đào tạo 01 Thạc sĩ.</p>	TP. Hồ Chí Minh.			
3	TNMT.2024.05.03: Nghiên cứu xây dựng mô hình công nghệ chuyển hóa rác thải công nghiệp thông thường và sinh hoạt tạo thành than thương phẩm có	1. Xây dựng được mô hình công nghệ chuyển hóa một số loại rác thành than thương phẩm có hàm lượng cacbon cao sử dụng được trong công nghiệp, an toàn về môi trường.	<p>1. Báo cáo cơ sở khoa học và thực tiễn về công nghệ chuyển hóa rác thải thành than có hàm lượng cacbon cao;</p> <p>2. Quy trình công nghệ chuyển hóa rác thải thành than có hàm lượng cacbon cao (quy mô ≥ 2 tấn/m³);</p> <p>3. 500 kg than thương phẩm có hàm lượng cacbon cao (độ tro (5-10%), chất bốc (5-10%), hàm lượng cacbon (80-</p>	Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.	2024-2025	2.000	Tuyển chọn

STT	Tên đề xuất	Mục tiêu	Sản phẩm	Địa chỉ ứng dụng	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
	hàm lượng cacbon cao	2. Thử nghiệm công nghệ chuyển hóa rác thải thành than có hàm lượng cacbon cao và đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường.	85%), nhiệt lượng (6000-7000 kcal/kg), cỡ hạt ≤ 100 mm) sử dụng được trong công nghiệp, an toàn về môi trường; 4. Báo cáo kết quả thử nghiệm; 5. Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường; 6. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; 7. 01 bằng sáng chế được chấp nhận đơn; 8. 01 bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI và 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước. 9. Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài.				
4	TNMT.2024.05.04: Nghiên cứu xây dựng mô hình công nghệ tiên tiến trong xử lý và tái sử dụng nước thải dệt nhuộm tại các khu công nghiệp theo định hướng kinh tế tuần hoàn	1. Đánh giá được thực trạng hệ thống xử lý nước thải (tình hình quản lý, xử lý và tái sử dụng nước thải) của loại hình dự án dệt nhuộm tại Việt Nam hiện nay. 2. Thiết kế, xây dựng, và vận hành thành công mô hình công nghệ pilot xử lý nước thải tăng cường bằng phương	1. Báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng hệ thống xử lý nước thải (tình hình xử lý và tái sử dụng nước thải) của loại hình dự án dệt nhuộm tại Việt Nam hiện nay; 2. 01 mô hình pilot xử lý nước thải với công nghệ tiên tiến (MF, UF, NF, RO) kết hợp với sinh thái trong xử lý tăng cường nước thải công nghiệp dệt nhuộm đạt tiêu chuẩn môi trường và đảm bảo chất lượng để tái sử dụng ≥	1. Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường; 2. Chi cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường miền Nam.	2024-2025	1.800	Tuyển chọn

STT	Tên đề xuất	Mục tiêu	Sản phẩm	Địa chỉ ứng dụng	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
		<p>pháp tiên tiến (MF, UF, NF, RO) kết hợp với sinh thái để xử lý nước thải công nghiệp dệt nhuộm theo định hướng kinh tế tuần hoàn đạt tiêu chuẩn môi trường và đảm bảo chất lượng để tái sử dụng đến 70% cho mục đích sản xuất và sinh hoạt nội bộ cơ sở cho các cơ sở dệt nhuộm (với công suất hệ thống xử lý nước thải từ 1.000 đến 5.000 m³/ngày đêm tại các khu công nghiệp).</p> <p>3. Đề xuất một số giải pháp thực hiện kinh tế tuần hoàn trong xử lý và tái sử dụng nước thải dệt nhuộm phù hợp điều kiện Việt Nam.</p>	<p>60% cho mục đích sản xuất và sinh hoạt nội bộ cơ sở sản xuất;</p> <p>3. Thuyết minh tính toán và hồ sơ thiết kế hệ thống xử lý tổ hợp phương pháp tiên tiến kết hợp sinh thái trong xử lý tăng cường nước thải công nghiệp dệt nhuộm (với công suất hệ thống xử lý nước thải từ 1.000 đến 5.000 m³/ngày đêm tại các khu công nghiệp) đạt tiêu chuẩn môi trường và đảm bảo chất lượng để tái sử dụng $\geq 60\%$ cho mục đích sản xuất và sinh hoạt nội bộ cơ sở sản xuất;</p> <p>4. 01 quy trình (kèm theo thuyết minh tính toán và hồ sơ thiết kế) xây dựng hệ thống xử lý tổ hợp phương pháp tiên tiến kết hợp sinh thái trong xử lý tăng cường nước thải công nghiệp dệt nhuộm (với công suất hệ thống xử lý nước thải từ 1.000 đến 5.000 m³/ngày đêm tại các khu công nghiệp) theo định hướng kinh tế tuần hoàn và đạt tiêu chuẩn để tái sử dụng tối đa ($\geq 60\%$) cho mục đích sản xuất và sinh hoạt nội bộ cơ sở;</p> <p>5. Báo cáo đề xuất một số giải pháp thực hiện kinh tế tuần hoàn trong xử lý</p>				

STT	Tên đề xuất	Mục tiêu	Sản phẩm	Địa chỉ ứng dụng	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			<p>và tái sử dụng nước thải dệt nhuộm phù hợp điều kiện Việt Nam;</p> <p>6. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu;</p> <p>7. Công bố 04 bài báo trong đó 02 bài báo được công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI, Scopus; 02 bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học và công nghệ được tính điểm theo Hội đồng giáo sư nhà nước;</p> <p>8. Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh.</p>				
5	TNMT.2024.05.05: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng mô hình quản lý và tái sử dụng bãi chôn lấp chất thải rắn sau khi đóng bãi bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường	<p>1. Đánh giá được thực trạng vận hành, nhu cầu tái sử dụng các bãi chôn lấp chất thải rắn sau khi đóng bãi tại một số địa phương.</p> <p>2. Xây dựng được dự thảo hướng dẫn quy trình kỹ thuật đóng bãi chôn lấp chất thải rắn bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường.</p> <p>3. Đề xuất được mô hình sử dụng bãi chôn lấp sau khi đóng bãi.</p>	<p>1. Báo cáo đánh giá thực trạng và các mô hình tái sử dụng các bãi chôn lấp chất thải rắn sau khi đóng bãi tại một số địa phương;</p> <p>2. Dự thảo hướng dẫn quy trình kỹ thuật đóng bãi chôn lấp;</p> <p>3. Dự thảo hướng dẫn kỹ thuật phục hồi môi trường và tái sử dụng bãi chôn lấp chất thải rắn sau khi đóng bãi;</p> <p>4. Một số mô hình sử dụng bãi chôn lấp sau khi đóng bãi và các yêu cầu về chất lượng môi trường, kỹ thuật kèm theo;</p> <p>5. 01 bãi chôn lấp chất thải rắn sau đóng bãi được tái sử dụng hiệu quả cho các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, môi trường;</p>	Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.	2024-2025	1.800	Tuyển chọn

STT	Tên đề xuất	Mục tiêu	Sản phẩm	Địa chỉ ứng dụng	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			<p>6. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu;</p> <p>7. 02 bài báo công bố trên tạp chí/hội thảo uy tín trong nước hoặc nước ngoài;</p> <p>8. Đào tạo 01 Thạc sĩ hoặc hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh.</p>				
6	TNMT.2024.05.07: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng hướng dẫn kỹ thuật áp dụng chính sách chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân thông qua bao bì chứa	<p>1. Đánh giá được thực trạng và cơ chế thu phí thu gom, vận chuyển và cơ chế chi trả giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại một số vùng miền, địa phương trên phạm vi toàn quốc và quốc tế.</p> <p>2. Xây dựng được phương pháp tính giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân thông qua bao bì chứa theo yêu cầu của Luật BVMT 2020 và mô hình thử nghiệm tại 1 khu vực đô thị và nông thôn.</p>	<p>1. Báo cáo cơ sở khoa học và thực tiễn về chi trả dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt;</p> <p>2. Báo cáo kinh nghiệm quốc tế về phương pháp tính giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân thông qua bao bì chứa;</p> <p>3. Báo cáo hướng dẫn phương pháp tính giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân thông qua bao bì chứa;</p> <p>4. Báo cáo kết quả thử nghiệm thí điểm mô hình chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển theo phân loại tại nguồn và xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân thông qua bao bì chứa tại khu vực đô thị và nông thôn Việt Nam;</p>	<p>1. Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;</p> <p>2. Vụ Môi trường;</p> <p>3. Trung tâm Công nghệ và Dữ liệu kiểm soát ô nhiễm môi trường.</p>	2024-2025	2.000	Tuyển chọn

STT	Tên đề xuất	Mục tiêu	Sản phẩm	Địa chỉ ứng dụng	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			<p>5. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu;</p> <p>6. 02 bài đăng tạp chí khoa học.</p>				
7	TNMT.2024.05.09: Nghiên cứu biến tính vermiculite làm vật liệu hấp phụ ứng dụng xử lý ô nhiễm môi trường	<p>1. Chế tạo được vật liệu đa hấp phụ trên cơ sở khoáng vô cơ vermiculite.</p> <p>2. Đánh giá được khả năng hấp phụ, xử lý ô nhiễm môi trường đối với các loại hóa chất axit, bazo, hợp chất hữu cơ và các hóa chất độc hại khác.</p>	<p>1. Tiêu chuẩn cơ sở sản phẩm vật liệu hấp phụ hóa chất trên cơ sở khoáng vô cơ vermiculite;</p> <p>2. Quy trình công nghệ chế tạo vật liệu hấp phụ hóa chất trên cơ sở khoáng vô cơ vermiculite;</p> <p>3. 50 kg vật liệu hấp phụ hóa chất đạt chỉ tiêu chất lượng chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: màu nâu nhạt, không mùi; + Dạng sản phẩm: hạt xốp; + Kích thước hạt: 0.5 - 5 mm; + Diện tích bề mặt $\geq 8 \text{ m}^2/\text{g}$; + Tổng thể tích xốp: 5 - 8 cm^3/g; + Trọng lượng riêng: $< 0.15 \text{ g}/\text{cm}^3$; + Dung lượng hấp phụ dung môi độc hại (phenol, 2-nitrotoluene...): 6 - 8 g/g vật liệu; + Dung lượng hấp phụ các loại axit, bazo độc hại: 2 - 4 g/g vật liệu; + Dung lượng hấp phụ đối một số loại dầu: 5 - 7 g/g vật liệu; 	<p>1. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh;</p> <p>2. Viện Hóa học-Vật liệu, Viện Khoa học và Công nghệ quân sự.</p>	2024-2025	2.000	Tuyển chọn

STT	Tên đề xuất	Mục tiêu	Sản phẩm	Địa chỉ ứng dụng	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			<p>+ Khả năng thu hồi 80% sau 5 chu kỳ sử dụng.</p> <p>4. Hệ thống thiết bị chế tạo vật liệu đa hấp thụ hóa chất kèm theo bản vẽ quy mô pilot:</p> <p>+ Công suất: 1 kg/mẻ, 2-4 mẻ/ngày;</p> <p>+ Công nghệ sản xuất: Gián đoạn (theo mẻ).</p> <p>5. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu;</p> <p>6. 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành;</p> <p>7. Đào tạo 01 Thạc sĩ.</p>				
8	TNMT.2024.01.07: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn đề xuất xây dựng chính sách hợp tác công tư (PPP) trong thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với các quy định của Luật Bảo vệ môi trường	<p>1. Xây dựng chính sách hợp tác công tư trong thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) ở đô thị và nông thôn;</p> <p>2. Đa dạng hóa nguồn tài chính và thúc đẩy sự tham gia của thành phần kinh tế tư nhân trong xử lý CTRSH bảo đảm minh bạch hóa việc đấu</p>	<p>1. Báo cáo cơ sở lý luận và thực tiễn về mô hình hợp tác công tư trong xử lý CTRSH;</p> <p>2. Báo cáo đánh giá thực trạng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư tư nhân và mô hình hợp tác công tư trong quản lý CTRSH tại Việt Nam;</p> <p>3. Dự thảo quy trình quản lý CTRSH theo mô hình đối tác công tư phù hợp với điều kiện Việt Nam;</p> <p>4. Mô hình hợp tác công tư, hướng dẫn thực hiện chính sách đầu tư tư nhân, nguồn vốn từ các tổ chức ngoài ngân</p>	<p>1. Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;</p> <p>2. Vụ Môi trường;</p> <p>3. Viện Chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường;</p> <p>4. Viện Địa lý nhân văn, Viện Hàn lâm Khoa</p>	2024-2025	2.000	Tuyển chọn

STT	Tên đề xuất	Mục tiêu	Sản phẩm	Địa chỉ ứng dụng	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
		thầu trong thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH.	sách cho thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH; 5. Kết quả áp dụng thử nghiệm mô hình hợp tác công tư trong thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH (đô thị và nông thôn); 6. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; 7. Sách chuyên khảo (có chỉ số xuất bản ISBN) về chính sách thu hút đầu tư tư nhân và mô hình hợp tác công tư trong quản lý CTRSH; 8. 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.	học xã hội Việt Nam.			
9	TNMT.2024.01.08: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xác định chi phí dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo các loại hình công nghệ đốt thu hồi năng lượng	1. Xác lập cơ sở khoa học và thực tiễn về công nghệ đốt chất thải rắn sinh hoạt thu hồi năng lượng và chi phí xử lý của từng loại công nghệ đốt chất thải rắn sinh hoạt ở Việt Nam. 2. Xây dựng dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật theo các loại hình công nghệ đốt chất thải rắn sinh hoạt thu hồi	1. Báo cáo đánh giá thực trạng công nghệ đốt chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam và chi phí xử lý hiện tại đang áp dụng đối với từng loại công nghệ đốt ở các địa phương; 2. Dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật cho một số loại hình công nghệ đốt chất thải rắn sinh hoạt thu hồi năng lượng hiện có ở Việt Nam; 3. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; 4. 02 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành;	1. Vụ Môi trường; 2. Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.	2024-2025	1.800	Tuyển chọn

STT	Tên đề xuất	Mục tiêu	Sản phẩm	Địa chỉ ứng dụng	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
		năng lượng hiện có ở Việt Nam.	5. Hỗ trợ đào tạo 01 học viên cao học trong lĩnh vực quản lý/kỹ thuật môi trường.				
10	TNMT.ĐL.2024.06: Nghiên cứu sử dụng tuyến trùng và giáp xác làm chỉ thị sinh học môi trường đánh giá một số chất ô nhiễm hữu cơ (PAHs, PCBs, PBDEs) khu vực cửa sông, ven biển	Có được bộ chỉ thị sinh học đánh giá ô nhiễm môi trường đối với một số chất ô nhiễm hữu cơ (PAHs, PCBs, PBDEs) khu vực cửa sông ven biển phía Nam - Việt Nam.	<p>1. 01 Quy trình phân tích chuẩn (SOP) một số chất ô nhiễm hữu cơ (PAHs, PCBs, PBDEs) trong môi trường, tuyến trùng và giáp xác;</p> <p>2. Bộ số liệu hiện trạng một số chất ô nhiễm hữu cơ (PAHs, PCBs, PBDEs) trong môi trường, tuyến trùng và giáp xác tại khu vực cửa sông ven biển phía Nam - Việt Nam;</p> <p>3. Dự thảo bộ chỉ thị sinh học đánh giá ô nhiễm môi trường đối với một số chất ô nhiễm hữu cơ (PAHs, PCBs, PBDEs) khu vực cửa sông ven biển phía Nam - Việt Nam;</p> <p>4. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu;</p> <p>5. 01 bài báo thuộc danh mục SCIE và 01 bài báo thuộc danh mục tạp chí quốc gia có uy tín;</p> <p>6. Tham gia đào tạo 01 Thạc sĩ, hỗ trợ đào tạo 01 Tiến sĩ.</p>	<p>1. Cục Kiểm soát ô nhiễm Môi trường;</p> <p>2. Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học;</p> <p>3. Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam.</p>	2024-2025	2.500	Tuyển chọn
11	TNMT.ĐL.2024.07: Nghiên cứu phương pháp xác	1. Xây dựng được phương pháp tính hạn ngạch xả thải vào các	1. Báo cáo đánh giá tình hình xả nước thải và khả năng tiếp nhận nước thải của các sông trên địa bàn các tỉnh Bạc	1. Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;	2024-2025	1.800	Tuyển chọn

STT	Tên đề xuất	Mục tiêu	Sản phẩm	Địa chỉ ứng dụng	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
	định hạn ngạch xả thải vào các sông khu vực chịu ảnh hưởng triều với hệ thống sông đổ ra nhiều cửa	sông khu vực chịu ảnh hưởng triều với hệ thống sông đổ ra nhiều cửa. 2. Áp dụng thí điểm tại Sóc Trăng – Bạc Liêu.	Liêu, Sóc Trăng; 2. Dự thảo hướng dẫn phương pháp xác định hạn ngạch xả thải vào các sông khu vực chịu ảnh hưởng triều với hệ thống sông đổ ra nhiều cửa; 3. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; 4. 02 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành; 5. Đào tạo 01 Thạc sĩ.	2. Vụ Môi trường.			
12	TNMT.2024. 04. 02: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ nhận diện các loài thuộc danh mục nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	1. Xây dựng giải pháp ứng dụng công nghệ AI trong nhận diện các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP. 2. Áp dụng thử nghiệm được trong điều tra, quan trắc, nhận diện, phát hiện, cảnh báo đối với lớp chim thuộc danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm.	1. Báo cáo nghiên cứu kinh nghiệm trong nước và quốc tế trong việc ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để nhận diện sinh vật qua âm thanh, hình ảnh, hành vi, tập tính sinh học. 2. Báo cáo đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong nhận diện các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ tại Việt Nam; 3. Các mô hình học máy (ML) và bộ dữ liệu về âm thanh, hình ảnh, hành vi, tập tính sinh học nhận diện các loài chim thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; 4. Phần mềm (trên nền web và thiết bị di động thông minh) nhận diện các loài chim thuộc danh mục loài nguy cấp,	1. Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; 2. Cục Chuyên đổi số và Thông tin Dữ liệu tài nguyên và môi trường.	2024-2025	2.500	Tuyển chọn

STT	Tên đề xuất	Mục tiêu	Sản phẩm	Địa chỉ ứng dụng	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			<p>quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và tài liệu hướng dẫn sử dụng;</p> <p>5. Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm đối với lớp chim và đề xuất phương án ứng dụng trong thực tế;</p> <p>6. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu;</p> <p>7. 02 bài báo khoa học (01 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS và 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành).</p>				